

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-3-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hồng;

Bà Mai Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đại Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Ngọc L, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Chị L có đơn xin vắng mặt; anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Ngọc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh P sống chung với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp tính tình, quan điểm sống, thường xuyên gây gổ cãi vã với nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không thể hàn

gắn được **nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không quan tâm đến nhau.** Do đó, nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Minh P1, sinh ngày 11-3-2015, hiện nay cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập họp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Thanh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với anh Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị L và anh P đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2018 cho đến nay không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Do đó căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Ngọc L đối với anh Nguyễn Thanh P.

- Về nuôi con chung: Chị L và anh P có 01 người con tên Nguyễn Minh P1, sinh ngày 11-3-2015, hiện cháu đang sinh sống ổn định cùng với chị L và theo nguyện vọng của cháu P1 muốn sống với chị L nên chị L yêu cầu nuôi con chung là có căn cứ. Do đó, cần giao con chung cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Ngọc L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Ngọc L là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Thanh P là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Thanh P chung sống với nhau từ năm 2015, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến; tuy nhiên theo biên bản xác minh bà Phạm Thị Tuyết H là mẹ ruột anh P thì giữa chị L và anh P có xảy ra mâu thuẫn với nhau, chị L và anh P sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh P nhiều lần nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh P không muốn đoàn tụ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh P có 01 người con tên Nguyễn Minh P1, sinh ngày 11-3-2015, hiện đang sống chung nhà với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng nuôi con chung và theo nguyện vọng của cháu P1 muốn sống chung với chị L. Xét thấy, từ khi chị L và anh P ly thân cho đến nay, cháu P1 sống ổn định với chị L nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của con chung, cần giao cháu Nguyễn Minh P1, sinh ngày 11-3-2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) con cùng với chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Ngọc L là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Ngọc L và anh Nguyễn Thanh P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh P1, sinh ngày 11-3-2015 cho chị Lê Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh P có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) con cùng với chị.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Ngọc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0006681 ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (ghi tên Lê Thị L1); chị Lê Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Ngọc L, anh Nguyễn Thanh P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc